ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM

ĐÀO CÔNG TIẾN
(Hiệu trưởng TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM)

Trường Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh được thành lập từ tháng 10/1976. Qui trình, nội dung, phương pháp đào tạo lúc đó được xác định và thực hiện căn bản theo trường KTQD Hà Nội. Đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ giảng dạy chủ chốt cũng phần lớn từ trường KTQD Hà Nội về. Với mô hình đào tạo và đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý đó, trường đã tồn tại, phát triển và có những đóng góp nhất định vào sự ổn định và phát triển kinh tế ở phía Nam sau giải phóng.

Bước vào thập niên 80, nhất là từ sau Đại hội VI, miền Nam cùng với cả nước từng bước thực hiện đổi mới kinh tế theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và định hướng XHCN. Sự hòa nhập vào kinh tế thế giới và tiếp cận với những cách đào tạo của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển cũng được thực hiện cùng với quá trình đổi mới đó. Mô hình đào tạo cũ tự nó xa dần và lạc lõng so với cuộc sống, đòi hỏi phải đổi mới - không đổi mới thì không thể tồn tại và phát triển được.

Đứng chân trên một vùng mà quá trình đổi mới kinh tế diễn ra khá mạnh mẽ, trường ĐHKT Tp.HCM sớm nhận thức được sự tất yếu phải đổi mới cả về qui trình nội dung và phương pháp đào tạo. Chúng tôi tập trung mọi nỗ lực cho sự đổi mới đó.

Hội đồng khoa học trường đã tập hợp và tổ chức một lực lượng cán bộ khoa học và cán bộ quản lý của trường nghiên cứu hình thành dần một dự án đổi mới căn bản qui trình, nội dung, phương pháp đào tạo của Trường .

1. Mục tiêu đào tạo.

Cán bộ kinh tế do Trường đào tạo gồm: Nhà kinh tế, nhà quản trị doanh nghiệp và các chuyên gia nghiệp vụ (công cụ) quản lý.

Các cán bộ kinh tế trên được đào tạo ở cả 3 bậc: Đại học, Cao học và Nghiên cứu sinh với các văn bằng cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ (hiện nay có bậc cao đẳng nhưng sẽ không đào tạo nữa khi hệ thống trường Cao đẳng cộng đồng được xây dựng và đủ sức đảm nhận).

Nơi làm việc thích hợp cho các sinh viên sau khi tốt nghiệp là: Các cơ quan quản lý kinh tế của Nhà nước, các doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu và đào tạo.

2. Danh mục ngành và chuyên ngành đào tạo.

Hiện tại , có 15 ngành và chuyên ngành đào tạo (kế hoạch, vật giá, kinh tế công nghiệp, KT nông nghiệp, KT thương nghiệp, KT ngoại thương, KT du lịch, KT dân số lao động,tài chính, ngân hàng, kế toán, thống kê, điều khiển học kinh tế, tổ chức xử lýthông tin kinh tế, quản trị kinh doanh) dự định sắp xếp lại còn 10 ngành và chuyên ngành như sau:

- Không đào tạo kế hoạch và vật giá riêng biệt .mà mở ngành kinh tế phát triển (hay còn gọi là kinh tế học) để đào tạo nhà kinh tế giỏi về lý thuyết kinh tế, có năng lực điều hành các quan hệ kinh tế vĩ mô, để làm việc trong cơ quan quản lý kinh tế của Nhà nước.

- Chuyển ngành đào tạo kinh doanh nông nghiệp sang

xây dựng ngành đào tạo mới là "Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn".

- Không đào tạo các nhà quản trị doanh nghiệp chuyên biệt theo ngành (CN,NN,TN) mà đào tạo các nhà quản trị doanh nghiệp tổng hợp cung cấp cho các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế, cho các ngành, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Riêng quản trị doanh nghiệp ngoại thương và du lịch có những yêu cầu đào tạo có nét đặc thù (phải học ngoại ngữ, kinh tế, luật quốc tế nhiều hơn) nên có thời gian đào tạo nhiều hơn và rẽ nhánh vào giai đoạn mới của quá trình đào tạo.

- Ngân hàng, tài chính và kế toán vẫn đào tạo như hiện nay.

- Duy trì ngành dân số và lao động nhưng thay đổi mục tiêu, nội dung đào tạo và tên gọi mới là kinh tế nhân lực.

- Đào tạo điều khiển học kinh tế và tổ chức xử lý thông tin như hiện nay.

- Duy trì ngành đào tạo thống kê nhưng phải tăng cường kiến thức điện toán.

Mười ngành và chuyên ngành đào tạo trên có mặt đầy đủ trong hệ đào tạo (hệ chuẩn), cao học và NCS. Các hệ tại chức, mở rộng và cao đẳng sẽ căn cứ vào nhu cầu xã hội và khả năng của trường mà mở với số lượng và loại ngành thích hợp (không nhất thiết hệ chuẩn có ngành gì, tại chức, mở rộng và cao đẳng có ngành đó).

3. Về đổi mới kế hoạch đào tạo, chương trình nội dung các môn học, cách dạy và học

- Bám sát yêu cầu đổi mới kinh tế theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có quản lý của Nhà nước định hướng XHCN, mở rộng giao tiếp quốc tế và tiếp cận thông tin tin học hiện đại mà đổi mới chương trình, nội dung các môn học và khung kế hoạch đào tạo.

- Đổi mới tiếp các môn học Mác - Lênin theo hướng truyền đạt trung thành tư tưởng học thuyết Mác-Lênin. Vận dụng những cái có thể vận dụng được để đảm bảo định hướng XHCN.

- Đưa thêm vào khung kế hoạch đào tạo những môn học mới:

. Lịch sử triết học và lịch sử

các học thuyết kinh tế (ngoài học thuyết kinh tế Mác-Lênin).

. Các môn học nhằm trang bị những kiến thức kinh tế thị trường.

. Tăng cường ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh)

. Tăng thêm kiến thức về tin học và thông tin hiện đại.

4. Về quy trình đào tạo, cấp học, hệ (loại hình đào tạo)

Bậc học và loại hình đào tạo của trường có:

. Cao đẳng (bao gồm tập trung và tại chức) hiện tại có đào tạo, nhưng sẽ dừng không đào tạo nữa khi các trường Cao đẳng cộng đồng được xây dựng và phát triển trong mạng lưới Cao đẳng và Đại học ở khu vực phía Nam.

. Đại học tập trung dài hạn (4-5 năm) là hệchuẩn bao gồm đầy đủ các ngành đào tạo của trường.

. Đại học tại chức dài hạn bao gồm các ngành và chuyên ngành đào tạo mà xã hộicó nhu cầu và điều kiện dạy và học không khe khắt lắm, trường có thể đảm nhận được.

. Đại học mở rộng, không khe khắt lắm ở đầu vào, nhưng sàng lọc tuyển chọn mạnh trong quá trình học, để bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng tương ứng với văn bằng đầu ra.

. Cao học.

. Nghiên cứu sinh (bao gồm bậc I và bậc II) để đào tạo TS và PTS.

- Qui trình đào tạo bậc đại học được chia thành 2 giai đoạn:

. Giai đoạn I (2 năm đầu) được trang bị những kiến thức kinh tế đại cương theo một khung kế hoạch và chương trình, giáo trình thống nhất. Đạt những tiêu chuẩn theo qui định của 2 năm học (giai đoạn I) sinh viên được cấp chứng chỉ đại học kinh tế đại cương. Có chứng chỉ này sinh viên được đăng ký hoặc dự thi vào các ngành và chuyên ngành đào tạo của giai đoạn II.

. Giai đoạn II (2-3 năm) được trang bị những kiến thức chuyên biệt theo ngành và chuyên ngành đào tạo (như danh mục ngành đào tạo ở mục 2)

5. Về hệ thống tổ chức và quản lý đào tạo của trường

Toàn bộ hệ thống tổ chức quản lý đào tạo của trường phân thành 3 cấp:

- Trường
- Khoa
- Bộ môn

Trường là một đơn vị tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học có đầy đủ tư cách pháp nhân trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khoa là cấp tổ chức và quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học có quyền, tráchnhiệm và lợi ích do trường phân công, phân cấp. Mức độ phân công, phân cấp được xác định trên nguyên tắc không phá vỡ sự quản lý tập trung thống nhất của Trường, đồng thời bảo đảm hội đủ điều kiện về quyền, trách nhiệm, lợi ích để phát huy được tính chủ động, năng động sáng tạo của Khoa trong hoạt động đào tạo,nghiên cứu khoa học.

Một số quyền, trách nhiệm và lợi ích của Khoa sẽ được phân công phân cấp như sau:

- Chủ động tổ chức dạy, học, nghiên cứu khoa học theo mục tiêu, khung kế hoạch, chương trình, giáo trình, cũng như qui chế quản lý chung mà các trường thống nhất ban hành.

. Quản lý cán bộ giảng dạy và sinh viên kể cả việc khen thưởng, kỷ luật.

. Được phân cấp một phần kinh phí sự nghiệp; trên cơ sở kế hoạch tài chính của Trường, Khoa được thu học phí và các khoản thu từ nghiên cứu ứng dụng khoa học, lao động sản xuất và chủ động trang trải các khoản chi phí và phân phối của Khoa trên cờ cơ sở mức thu và nguyên tắc chi trả phân phối kể cả phần phải điều tiết cho Trường.

Bộ môn là đơn vị tổ chức xây dựng và sử dụng nguồn lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học (tiếp nhận, bồi dưỡng, giao nhiệm vụ, kiểm tra đánh giá, khen thưởng, kỷ luật). Bộ môn tham gia với Khoa và Trường trong các hoạt động quản lý Khoa và Trường.

ĐCT.

Thị trường thế giới

CHIẾN TRANH SÔ-CÔ-LA

Chỉ mới một thập niên trước đây, mặt hàng ca-cao của một số nước ở Đông Nam Á đã được giới thiệu như một sản phẩm mới ở trên thị trường thế giới. Vốn nhạy bén với nhu cầu của thị trường thế giới, các điền chủ ở Đông Nam Á đã nhanh chóng chuyển từ những cây ít sinh lợi qua những cây có thể tạo ra nhiều lợi nhuận hơn, trong đó có cây ca-cao. Vào cuối những năm 70, các đồn điền trồng ca-cao phát triển mạnh mẽ ở nhiều nơi trong vùng. Đến năm 1985 Malaysia và Indonesia là những nước có tốc độ phát triển cây ca-cao thuộc loại nhanh nhất thế giới. Các nhà trồng ca-cao ở Đông Nam Á bắt đầu cạnh tranh với các địch thủ lâu đời của họ ở Gha-na và Bờ Biển Ngà (Ivory Coast).

Nhưng cuộc cạnh tranh này không phải diễn ra một cách dễ dàng và "ngon ăn" đối với các nhà trồng ca-cao ở châu Á. Mặc dù khả năng tiêu thụ ca-cao của thế giới tăng từ 4 đến 5% mỗi năm trong suốt thập niên vừa qua, các nhà trồng ca-cao ở Đông Nam Á vẫn không sao tiêu thụ hết sản lượng do mình làm ra. Hậu quả là sản lượng ca-cao làm ra bị dư thừa,ứ đọng, giá cả nhanh chóng bị tụt xuống. Đến năm 1989, giá ca-cao rơi xuống đến mức thấp nhất kể từ năm 1945. Các nhà trồng ca-cao ở trong vùng bị đe dọa phá sản hoàn toàn. Trong khi đó, mặt hàng ca-cao ở châu Phi có nhiều lợi thế hơn: giá nhân công rất rẻ, chất lượng ca-cao tốt, có sẵn thị trường tiêu thụ ở nước ngoài. Trong cuộc chiến tranh sô-cô-la này, dường như Đông Nam Á thua trận.

Nhưng các nhà trồng ca-cao ở Đông Nam Á vẫn không chịu bó tay, đầu hàng. Họ tìm mọi cách để cải tiến kỹ thuật, như giảm thấp hàm lượng acid để nâng cao chất lượng ca-cao, đẩy mạnh năng suất cây trồng... Và từ đó, họ bắt đầu thâm nhập được vào thị trường Châu Âu vốn là thị trường truyền thống của các nước trồng ca-cao ở Châu Phi và Châu Mỹ. Hiện nay, giống như Gha-na, Malaysia là nước trồng ca-cao đứng hàng thứ ba trên thế giới, chỉ sau Bờ Biển Ngà và Brazil.

Thu hoạch ca cao với nỗi lo sụt giá

Nhưng giờ đây, các nhà trồng ca-cao ở trong vùng lại đang phải đương đầu với một thách đố khác: có khả năng xảy ra sự sụp đổ của Hiệp ước Quốc tế về Ca-cao (International Cocoa Agreement). Nếu đến tháng 9 năm nay mà Hiệp ước này vẫn không được đổi mới, sẽ có vài trăm ngàn tấn ca-cao từ kho dự trữ của ICCO sẽ được bán ra trên thị trường thế giới.Lúc đó có nguy cơ giá ca-cao sẽ rơi xuống thấp hơn nữa...

TRẦN TRUNG PHƯƠNG
(Asiaweek, Jan. 17,1992)